

Số: /2025/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ
dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Quản lý
xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBND TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Báo và PTTH Cần Thơ;
- Công TTĐT TP;
- Công báo TP;
- VP UBND TP (2, 3);
- Lưu: VT, VHQ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Cảnh Tuyên

QUY ĐỊNH
Quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ
dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể một số nội dung trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 2. Đối tượng công nghệ, danh mục công nghệ, hình thức, phương thức và nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Đối tượng công nghệ, hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao được quy định tại Điều 3 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

Điều 3. Đăng ký chuyển giao công nghệ và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

2. Sở Khoa học và Công nghệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

3. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

a) Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

Điều 4. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi

1. Sở Khoa học và Công nghệ hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

1. Việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư theo quy định tại Điều 13 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 phải được kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai, thực hiện.

2. Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau:

- a) Theo kế hoạch;
- b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

Mục 2

THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 6. Thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư sau đây phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

- a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;

- b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ được quy định tại Phụ lục II, III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:

- a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ được quy định tại Phụ lục II, III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo Quy định này;

- b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ không thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này nhưng do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

5. Trong trường hợp triển khai dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư

1. Thẩm quyền thẩm định về công nghệ đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư

1. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quy định này được thực hiện như sau:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác.

2. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc khoản 4 Điều 6 Quy định này được thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Quy định này.

Điều 9. Kinh phí thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư

Kinh phí thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư thực hiện theo quy định về chi phí tư vấn đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì theo dõi tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức thực hiện Quy định này.
2. Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.
3. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; cấp, sửa đổi bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo thẩm quyền.
4. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thẩm định công nghệ và chuyển giao công nghệ. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố.
5. Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền. Tổ chức việc xác định công nghệ, giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan đăng ký đầu tư.
6. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thống kê tình hình thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ
Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo Quy định này và quy định pháp luật có liên quan; kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.
2. Sở, ban, ngành thành phố
 - a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo Quy định này và quy định pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng khác trong việc kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân cấp quản lý.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực trong hồ sơ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; chấp hành đúng phương án công nghệ đã thẩm định và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã đăng ký chuyển giao công nghệ gửi báo cáo, thống kê về tình hình thực hiện đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã đăng ký chuyển giao công nghệ phải bảo đảm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 26 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.